

KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐẾN TIÊM NGỪA VẮC XIN COVID 19 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2021

Phan Thị Luyện¹, Trương Nhật Khuê, Nguyễn Trần Trân, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Lê Thanh Tâm

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Email: pthuyen@ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Kể từ khi dịch bệnh Covid 19 bùng phát, bên cạnh việc tham gia các công tác truy vết, xét nghiệm, chống nhiễm khuẩn, cán bộ và sinh viên tình nguyện của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) còn tích cực tham gia vào công tác tiêm ngừa vắc xin cho người dân. Việc khảo sát sự hài lòng của người dân đối với công tác này góp phần giúp nhà trường cải tiến quy trình tiêm vắc xin và phục vụ người dân tốt hơn. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát sự hài lòng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người dân đến tiêm ngừa vắc xin COVID-19 tại ĐHYDCT. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, có phân tích trên người dân đến khám và có chỉ định tiêm ngừa vắc xin tại Trường ĐHYDCT từ 15/9/2021 đến 31/12/2021. **Kết quả:** có 2758/3155 người dân (chiếm tỉ lệ 87,4 %, trong đó có 1161 nam và 1597 nữ) hài lòng với công tác tiêm vắc xin của Trường ĐHYDCT, trong đó có sự khác biệt về mức độ hài lòng giữa dịch vụ tiêm chủng và “thái độ của nhân viên y tế” và “chất lượng phục vụ”. **Kết luận:** Đề tài góp phần quan trọng trong việc cải tiến chất lượng phục vụ, đem lại thành công cho chiến dịch tiêm chủng của Chính phủ trên địa bàn cả nước nói chung và tại địa bàn thành phố Cần Thơ nói riêng.

Từ khóa: tiêm vắc xin, sự hài lòng, ĐHYDCT, 2021.

A SURVEY ON SATISFACTION AND FACTORS RELATING TO SATISFACTION OF PEOPLE WHO GOT COVID 19 VACCINATION AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2021

Phan Thi Luyen, Truong Nhut Khue, Nguyen Tran Tran, Nguyen Thi Thanh Truc, Le Thanh Tam

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

ABSTRACT

Background: Since the outbreak of the COVID-19 pandemic, in addition to participating in tracing, testing, and anti-infection activities, volunteer staff and students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy (CTUMP) have also actively participated in vaccination activities for people in the region. The investigation of people's satisfaction with this activity helps CTUMP innovate vaccination procedures and provide better service for people. **Objective:** To investigate satisfaction and factors relating to satisfaction of people who got COVID-19 vaccination at CTUMP. **Materials and Methods:** An analytical cross-sectional descriptive study was conducted on people who got vaccination at CTUMP between September 15th and December 31st. **Results:** 2758/3155 (87.4%, in which 1161 male and 1597 female) participants were satisfied with the vaccination procedure at CTUMP, and “healthcare staff attitude and service quality” were found significantly related to satisfaction. **Conclusion:** The study brings an important contribution in improve service quality and the success of government vaccination campaigns in the whole country and Can Tho city in particular.

Keywords: vaccination, satisfaction, CTUMP, 2021

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho biết tên gọi chính thức của bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi-rút corona (nCoV) là COVID-19. Tên gọi mới này là tên gọi tắt của coronavirus disease 2019, theo các từ khóa “corona”, “virus”, “disease” (dịch bệnh) và 2019 là năm mà loại virus gây đại dịch này xuất hiện. Bên cạnh đó, trước sức ép của biến thể Delta, Omicron, Deltamicron, chiến lược chống dịch của các nước Đông Nam Á cũng có nhiều thay đổi. Chương trình tiêm chủng đại trà đang được đẩy nhanh tại tất cả các nước. Việt Nam đã chính thức phát động chiến dịch tiêm chủng lớn nhất trong lịch sử với mục tiêu tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho tất cả người dân trong độ tuổi trên 18, thời gian từ tháng 7 năm 2021 tới tháng 4 năm 2022. Nhằm không chế dịch nhanh chóng, việc đẩy nhanh tốc độ tiêm chủng là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Ngày 02 tháng 8 năm 2021, Bộ Y tế đã có chỉ thị tại Công văn số 6202/BYT-DP gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Tỉnh/Thành phố nêu rõ: “Huy động tối đa các lực lượng tham gia tiêm chủng bao gồm cả y tế nhà nước và tư nhân, các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, y tế các ngành...; tổ chức tiêm tại các cơ sở cố định và nhiều điểm tiêm chủng lưu động tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị ...[2]. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, có vị trí trung tâm vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, với dân số 17.191.470 người tại thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 2019 [1]. Do đó, bên cạnh việc tham gia các công tác truy vết, xét nghiệm, chống nhiễm khuẩn, cán bộ và sinh viên tình nguyện của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) còn tích cực tham gia vào công tác tiêm ngừa vắc xin cho người dân trên địa bàn.

Bên cạnh những nỗ lực đảm bảo vắc xin COVID -19 luôn sẵn có và dễ tiếp cận, việc nâng cao lòng tin và sự sẵn lòng của công chúng trong việc tiêm chủng cũng là một vấn đề được Chính phủ quan tâm. Ngoài ra, sự hài lòng của người dân rất quan trọng trong việc tiêm chủng COVID-19 và có ý nghĩa đối với việc đánh giá các dịch vụ, đặc biệt là chỉ số chất lượng. Do đó, việc khảo sát sự hài lòng và các yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người dân đối với công tác này góp phần giúp nhà trường cải tiến quy trình tiêm vắc xin và phục vụ người dân tốt hơn.

Mục tiêu nghiên cứu:

Khảo sát sự hài lòng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người dân đến tiêm ngừa vắc xin COVID-19 tại ĐHYDCT.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài thực hiện khảo sát trực tuyến qua biểu mẫu google form đối với người dân đến khám và có chỉ định tiêm ngừa vắc xin COVID-19 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ ngày 15 tháng 9 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu:

- + Người dân ≥ 18 tuổi.
- + Có chỉ định tiêm ngừa vắc xin COVID-19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế Việt Nam.
- + Có khả năng giao tiếp và đồng ý tham gia nghiên cứu

- Tiêu chuẩn loại trừ:

- + Người dân có tên trong danh sách tiêm, nhưng không có mặt trong thời gian nghiên cứu.
- + Người dân không đủ sức khỏe để tiêm ngừa vắc xin COVID-19 tại thời điểm tiêm.

+ Người dân có phản ứng quá mẫn với tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trước đó.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

Thiết kế nghiên cứu:

Phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Chọn mẫu toàn bộ (3155) người dân khi đến và được tiêm ngừa vắc xin COVID-19 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ ngày 15 tháng 9 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và đồng ý tham gia trả lời các câu hỏi khảo sát bằng cách quét mã QR.

Phương pháp chọn mẫu:

Chọn mẫu thuận tiện không xác suất: chọn tất cả người dân thỏa điều kiện chọn mẫu trong suốt thời gian tiến hành thu thập số liệu.

Nội dung nghiên cứu:

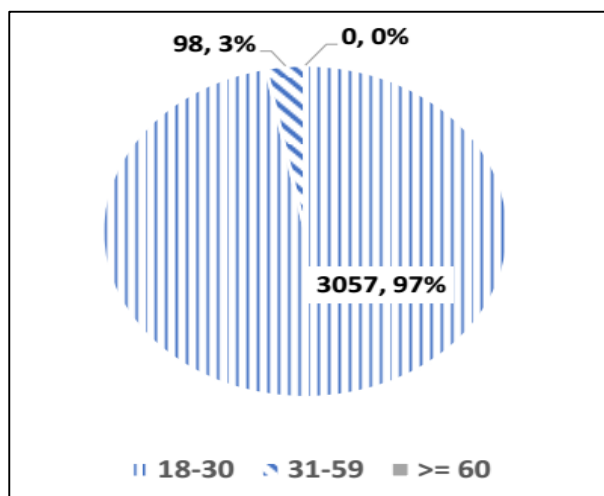
Gồm 2 phần thông qua bộ câu hỏi khảo sát gồm: thông tin cá nhân (độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập của hộ gia đình, tình trạng hôn nhân), phần khảo sát về mức độ hài lòng của người dân và mối liên quan giữa mức độ hài lòng với một số yếu tố như nhóm tuổi, giới tính, tình trạng hôn nhân, thu nhập hộ gia đình, thái độ của nhân viên y tế và chất lượng phục vụ.

Xử lý và phân tích số liệu:

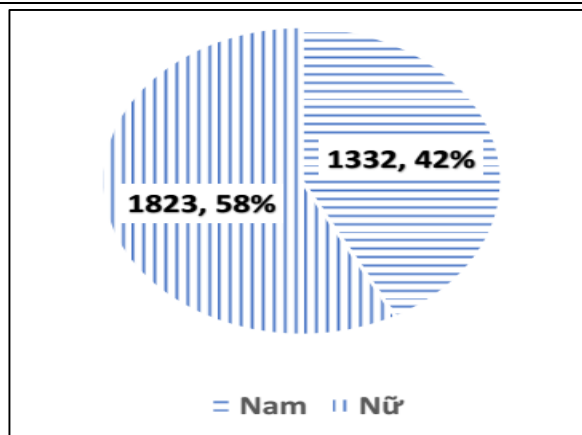
Số liệu khảo sát được xuất ra từ biểu mẫu google form qua phần mềm xử lý số liệu SPSS, đồng thời được tổng hợp, phân tích, thông kê bằng phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Thông tin cá nhân:



Biểu đồ 1. Phân bố đối tượng theo độ tuổi
Nhận xét: nhóm tuổi 18-30, chiếm tỷ lệ cao nhất 96,9%.



Biểu đồ 2. Phân bố đối tượng theo giới tính

Nhận xét: trong số 3155 người dân đến tiêm vắc xin thực hiện khảo sát, giới tính nữ chiếm tỷ lệ 57,8% cao hơn so với giới tính nam (42,2%).

Bảng 1. Phân bố đối tượng theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chưa tốt nghiệp trung học phổ thông	11	0,3
Tốt nghiệp trung học phổ thông	2724	86,3
Tốt nghiệp Cao đẳng – Trung cấp	204	6,5
Tốt nghiệp đại học	201	6,4
Tốt nghiệp sau đại học	15	0,5
Tổng	3155	100,0

Nhận xét: người dân đến tiêm vắc xin có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất 86,3%.

Bảng 2. Phân bố đối tượng theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chưa có việc làm	13	0,4
Học sinh – sinh viên	3066	97,2
Buôn bán	14	0,4
Công nhân	13	0,4
Viên chức	49	1,6
Tổng	3155	100,0

Nhận xét: người dân đến tiêm vắc xin là học sinh – sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất 97,2%.

Bảng 3. Phân bố đối tượng theo thu nhập của hộ gia đình

Thu nhập của hộ gia đình	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
< 5 triệu	1596	50,6
5 - <10 triệu	888	28,1
10 - <20 triệu	493	15,6
20 - <30 triệu	109	3,5
≥30 triệu	69	2,2
Tổng	3155	100,0

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 53/2022

Nhận xét: người dân đến tiêm vắc xin có mức thu nhập của hộ gia đình < 5 triệu chiếm tỉ lệ 50,6%.

Bảng 4. Phân bố đối tượng theo tình trạng hôn nhân

Tình trạng hôn nhân	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Độc thân	3031	96,1
Đã lập gia đình	118	3,7
Ly hôn	6	0,2
Tổng	3155	100,0

Nhận xét: người dân đến tiêm vắc xin có tình trạng độc thân chiếm cao nhất 96,1%.

3.2 Mức độ hài lòng của người dân đối với hoạt động tiêm vắc xin:

Bảng 5. Tỷ lệ người dân hài lòng với hoạt động tiêm vắc xin

Mức độ hài lòng	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Không hài lòng	397	12,6
Hài lòng	2758	87,4
Tổng	3155	100,0

Nhận xét: có 87,4% người dân hài lòng với hoạt động tiêm vắc xin.

Bảng 6. Khu vực phục vụ tiêm vắc xin mà người dân không hài lòng

Khu vực không hài lòng	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Không hài lòng với khu vực tiếp đón	28	6,4
Không hài lòng với khu vực kiểm tra thông tin	52	11,9
Không hài lòng với khu vực ngồi chờ tiêm	144	33,2
Không hài lòng với khu vực khám sàng lọc	57	13,2
Không hài lòng với khu vực tiêm chủng	14	3,2
Không hài lòng với khu vực theo dõi sau tiêm	139	32,1
Tổng	434	100,0

Nhận xét: Có 434 ý kiến của người dân không hài lòng về các khu vực trong quy trình tiêm chủng, trong đó khu vực chờ tiêm chủng có tỉ lệ không hài lòng cao nhất (33,2%), tiếp theo là khu vực theo dõi sau tiêm chủng (32,1%).

3.3 Mối liên quan giữa sự hài lòng của người dân với một số yếu tố:

Bảng 7. Mối liên quan giữa sự hài lòng và nhóm tuổi

Nhóm tuổi	Mức độ hài lòng		OR (KTC 95%)	p
	Không hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)		
Từ 18 – 30 tuổi	382 (12,5)	2675 (87,5)	0,79 (0,45-1,38)	0,41
Từ 31 – 59 tuổi	15 (15,3)	83 (84,7)		
Tổng cộng	397 (12,6)	2758 (87,4)		

Nhận xét: không có sự khác biệt về mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng giữa các nhóm tuổi ($p > 0,05$).

Bảng 8. Mối liên quan giữa sự hài lòng và giới tính

Giới tính	Mức độ hài lòng		OR (KTC 95%)	p
	Không hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)		
Nam	171 (12,8)	1161 (87,2)	1,04 (0,84 – 1,28)	0,71
Nữ	226 (12,4)	1597 (87,6)		

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 53/2022

Giới tính	Mức độ hài lòng		OR (KTC 95%)	p
	Không hài lòng	Hài lòng		
	n (%)	n (%)		
Tổng cộng	397 (12,6)	2758 (87,4)		

Nhận xét: không có sự khác biệt về mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng và giới tính ($p>0,05$).

Bảng 9. Mọi liên quan giữa sự hài lòng và tình trạng hôn nhân

Hôn nhân	Mức độ hài lòng		OR (KTC 95%)	p
	Không hài lòng	Hài lòng		
	n (%)	n (%)		
Chưa lập gia đình	382 (12,6)	2649 (87,4)	1,04 (0,60 – 1,82)	0,86
Đã lập gia đình	15 (12,1)	109 (87,9)		
Tổng cộng	397 (12,6)	2758 (87,4)		

Nhận xét: không có sự khác biệt về mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng và tình trạng hôn nhân ($p>0,05$).

Bảng 10. Mọi liên quan giữa sự hài lòng và thu nhập hộ gia đình

Thu nhập hộ gia đình	Mức độ hài lòng		OR (KTC 95%)	p
	Không hài lòng	Hài lòng		
	n (%)	n (%)		
Nghèo, cận nghèo	204 (12,8)	1392 (87,2)	1,03 (0,84 – 1,28)	0,73
Không nghèo	193 (12,4)	1366 (87,6)		
Tổng cộng	397 (12,6)	2758 (87,4)		

Nhận xét: không có sự khác biệt về mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng và thu nhập hộ gia đình ($p>0,05$).

Bảng 11. Mọi liên quan giữa sự hài lòng và thái độ của nhân viên y tế

Thái độ của nhân viên y tế	Mức độ hài lòng		OR (KTC 95%)	p
	Không hài lòng	Hài lòng		
	n (%)	n (%)		
Không chu đáo	81 (21,1)	303 (78,9)	2,07 (1,58 – 2,72)	<0,001
Chu đáo	316 (11,4)	2455 (88,6)		
Tổng cộng	397 (12,6)	2758 (87,4)		

Nhận xét: có 2455 (87,4%) người dân phản hồi hài lòng về thái độ chu đáo của nhân viên y tế so với 316 (12,6%) không hài lòng, có sự khác biệt về mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng và thái độ của nhân viên y tế ($p<0,001$).

Bảng 12. Mọi liên quan giữa sự hài lòng và chất lượng phục vụ

Chất lượng phục vụ	Mức độ hài lòng		OR (KTC 95%)	p
	Không hài lòng	Hài lòng		
	n (%)	n (%)		
Chưa tốt	30 (34,5)	57 (65,5)	3,87 (2,45 – 6,10)	<0,001
Tốt	367 (12,0)	2701 (88,0)		
Tổng cộng	397 (12,6)	2758 (87,4)		

Nhận xét: có 2701 (88%) người dân phản hồi hài lòng về chất lượng phục vụ tốt so với 367 (12%) không hài lòng, có sự khác biệt về mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm chủng và chất lượng phục vụ ($p<0,001$).

IV. BÀN LUẬN

Từ biểu đồ 1 và 2 cho thấy, trong 3155 người dân (1332 nam và 1823 nữ) tham gia vào nghiên cứu thì nhóm tuổi từ 18 – 30 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất 96,9%. Về trình độ học vấn, trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi, nhóm đã tốt nghiệp trung học phổ thông chiếm tỉ lệ 86,3% (bảng 1). Về phân bố nghề nghiệp, nhóm học sinh - sinh viên chiếm tỷ trọng cao nhất 97,2% (bảng 2). Về thu nhập của hộ gia đình, tỷ lệ hộ gia đình có thu nhập < 5 triệu và từ 5-<10 triệu chiếm tỷ trọng lần lượt là 50,6% và 28,1% (bảng 3) và tình trạng độc thân của người dân đến tiêm chủng là 96,1% (bảng 4). Điều này có thể là do nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ nên đa số đối tượng được phân bổ và tổ chức tiêm chủng là đối tượng sinh viên, học viên ở trong độ tuổi từ 18 đến 30.

Bảng 5 cho thấy tỷ lệ người dân hài lòng với hoạt động tiêm chủng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ khá cao (chiếm 87,4% tổng số người thực hiện khảo sát). Kết quả này cao hơn so với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Hôi và cộng sự (74%) [4]. Kết quả của Gyan Jyoti và cộng sự (69,1%) [5]. Tuy nhiên, có 12,6% người dân không hài lòng về hoạt động tiêm vắc xin, theo đó người dân không hài lòng về khu vực ngồi chờ tiêm chiếm tỷ lệ cao nhất với 33,2%, tiếp theo là khu vực theo dõi sau tiêm chủng với tỷ lệ 32,1% và tỷ lệ người dân không hài lòng về khu vực tiêm chủng rất thấp, chỉ chiếm 3,2%.

Theo kết quả tại bảng 7, tỷ lệ người dân ở độ tuổi từ 18-30 tuổi hài lòng với hoạt động tiêm vắc xin là 87,5%, tương đương với tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 31-59 là 84,7%, không có sự khác biệt giữa sự hài lòng của người dân với độ tuổi ($p>0,05$). Mặt khác, không sự khác biệt về mức độ hài lòng dịch vụ tiêm giữa nam và nữ, tỷ lệ hài lòng của nam tương đương so với nữ với tỷ lệ 87,2% và 87,6% (bảng 8). Điều này nói lên mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ tiêm không chịu sự ảnh hưởng của tuổi tác và giới tính.

Mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm của người dân chưa lập gia đình tương đương so với người đã kết hôn (87,4% và 87,9%) (bảng 9). Bảng 10 cho thấy không có sự khác biệt về mức độ hài lòng về dịch vụ tiêm giữa người nghèo, cận nghèo (87,2%) và người có mức thu nhập khá trở lên (87,6%). Kết quả nghiên cứu cho thấy dịch vụ tiêm chủng không có sự phân biệt giàu nghèo, người dân khi đến tiêm được các nhân viên y tế quan tâm, hướng dẫn và phục vụ như nhau. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Hồ Hữu Hoàng (2016) khi khảo sát sự hài lòng của 400 bà mẹ có con dưới 1 tuổi sử dụng dịch vụ tiêm chủng tại các trạm y tế ở Thừa Thiên Huế [3].

Thái độ của nhân viên y tế có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về dịch vụ tiêm chủng. Sự ảnh hưởng này có ý nghĩa thống kê với $p<0,001$. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Hồ Hữu Hoàng (2016) [3]. Tỷ lệ người dân hài lòng về sự chu đáo của nhân viên y tế cao hơn so với nhân viên y tế không chu đáo (88,6% và 78,9% - bảng 11). Kết quả nghiên cứu của Gyan Jyoti và cộng sự (2021) khảo sát trên 332 người cho thấy có 55,4% hài lòng về năng lực và cách ứng xử của nhân viên y tế, tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của chúng tôi [5]. Điều này chứng tỏ trong quá trình đào tạo, Trường không những quan tâm đến kiến thức chuyên môn mà còn chú trọng đến quy tắc ứng xử của từng sinh viên, cán bộ.

Bảng 12 cho thấy rằng chất lượng phục vụ có sự ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ tiêm chủng. Sự hài lòng của người dân về chất lượng phục vụ tốt chiếm tỷ lệ cao hơn so với chất lượng phục vụ không tốt (88% và 65,5%) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,001$.

V. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát có 2758/3155 người dân (chiếm tỉ lệ 87,4 %, trong đó có 1161 nam và 1597 nữ) hài lòng với công tác tiêm vắc xin của Trường ĐHYDCT, trong đó có sự khác biệt về mức độ hài lòng giữa dịch vụ tiêm chủng và “thái độ của nhân viên y tế” và “chất lượng phục vụ”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019). Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019. Nhà xuất bản Thống kê tháng 12 năm 2019.
2. Bộ Y tế (2021). Công văn số 6202/BYT-DP ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Y Tế về việc tăng tốc độ và diện bao phủ tiêm vắc xin phòng Covid 19.
3. Hồ Hữu Hoàng (2016). Khảo sát sự hài lòng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi về dịch vụ tiêm chủng mở rộng tại các trạm y tế xã, thị trấn huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2016.
4. Trần Thị Bích Hồi, Nguyễn Quang Chính, Đào Thị Ngọc và Nguyễn Quang Hùng (2021). Sự hài lòng về dịch vụ tiêm chủng mở rộng và một số yếu tố liên quan ở các bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Trạm Y tế xã, Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng năm 2019, Tạp chí Y học dự phòng, tập 31, số 1, 2021.
5. Gyan Jyoti, Arun Kumar Yadav, Ms. Ritu Kumari and Ruma Coudhary Bhattacharjee (2021), “Level of satisfaction with covid-19 vaccine after getting jabs among the general population in Gurgaon, Haryana”, *Int. J. Adv. Res.*, 9(10), pp. 750-756.

(Ngày nhận bài 10/7/2022, ngày duyệt đăng 9/9/2022)
